

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-PVHCC  
V/v nâng cao kết quả đánh  
giá, xếp loại của tỉnh đối với  
Bộ chỉ số theo quy định tại  
Quyết định số 766/QĐ-TTg.

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn.

Xét báo cáo và đề xuất của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 07/BC-VPUB ngày 07/02/2025 về Kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn tỉnh tháng 01/2025.

Qua kiểm tra kết quả đạt được tại các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh trong 01 tháng đầu năm 2025 (*chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 đính kèm*).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính, với tinh thần “quyết tâm, quyết liệt, mạnh mẽ, tăng tốc”, trọng tâm là tăng cường giải quyết hồ sơ, TTHC, lấy cải cách TTHC làm khâu đột phá, với phương châm “làm đúng, nhanh và hiệu quả” nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thời gian tới.

b) Trên cơ sở 2 Phụ lục kèm theo văn bản này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương nghiên cứu, chủ động rà soát những tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình, kịp thời có giải pháp khắc phục ngay, cụ thể là nâng cao tỷ lệ DVCTT, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ .... Đây là các chỉ số trong Bộ chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ có ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận, xử lý, trả kết quả TTHC, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ thuộc thẩm quyền của Sở, ban, ngành và địa phương; thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình của người đứng đầu và gửi

Phiếu xin lỗi người dân, doanh nghiệp đối với trường hợp để xảy ra chậm muộn trong giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị để kết nối, chia sẻ thông tin nhiều chiều, qua đó tạo sự yên tâm, đồng cảm, đồng thuận của người dân, doanh nghiệp.

d) Tổ chức triển khai, quán triệt sâu, kỹ nội dung Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc. Đưa vào quy chế nội bộ cơ quan việc xem xét khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức được đánh giá tốt và xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức đối với những trường hợp thường xuyên xử lý không đạt yêu cầu được thống kê trên Hệ thống đánh giá của Chính phủ.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*), Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan định kỳ hàng quý/01 lần kiểm tra thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan đơn vị và địa phương, để kịp thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm (*nếu có*) đối với các tập thể, cá nhân theo quy định.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*) chủ trì kiểm tra, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công khai chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn vị theo quy định (*trong đó có các chỉ số nêu trên*) để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương biết phát huy những kết quả đạt được và khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXVN, TCD;
- Lưu: VT, PVHCC. CT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Biên**

**Phụ lục 1**  
**TỶ LỆ KẾT QUẢ TỔNG HỢP THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ 766 CẤP SỞ**  
**THÁNG 01/2025**

TT	Tên cơ quan/ đơn vị	Công khai minh bạch	DVC trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tiến độ giải quyết	Tổng
1	Sở Tư pháp	84,06	83,41	66,67	64,95	93,8	78,58
2	Sở Xây dựng	51,72	90,36	100	82	96,3	84,08
3	Sở Khoa học và CN	100	89,41	100	88,64	100	95,61
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	77,09	66,67	69,14	99,05	82,39
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	54,55	66,67	84,14	92,7	79,61
6	Sở Lao động, Thương binh &XH	100	90,91	60,06	81,18	72,2	80,87
7	Sở Nội vụ	0	63,64	100	0	100	52,73
8	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	84,61	90,91	97,83	85,55	84,2	88,62
9	Sở Tài chính	100	63,64	74,06	0	20	51,54
10	Sở Thông tin và Truyền thông	0	27,27	100	0	100	45,45
11	Sở Y tế	100	90,91	94,33	84,64	74,75	88,93
12	Sở Công Thương	21,28	55,86	100	79	99,65	71,16
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	45,44	88,41	98	84,86	84,6	80,26
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	100	65,86	100	75,23	97,75	87,77
15	Sở Giao thông Vận tải	31,83	45,77	100	67,86	98,15	68,72
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	100	90,91	94,44	82,59	75	88,59

Ghi chú:

Đạt loại Xuất sắc từ 90% trở lên.

Đạt loại Tốt từ 80-90%,

Đạt loại Khá từ 70-80%

Đạt loại Trung bình từ 50-70%

Đạt loại Yếu dưới 50%






**Phụ lục 2**  
**TỶ LỆ KẾT QUẢ TỔNG HỢP THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ 766**  
**CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THÁNG 01/2025**

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai minh bạch	Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tiến độ giải quyết	Tổng %
<b>I</b>	<b>UBND thành phố PR-TC</b>	88,89	44,23	100	96	98	85,42
1	UBND phường Đông Hải	60,33	33,68	100	99,91	99,4	78,66
2	UBND phường Văn Hải	80,28	48,95	100	98,86	99,35	85,49
3	UBND phường Mỹ Đông	34,5	36,05	100	98,64	98,2	73,48
4	UBND phường Đái Sơn	83	42,91	100	98,77	97,6	84,46
5	UBND phường Phủ Hà	100	40,73	100	99,91	99,3	87,99
6	UBND phường Đô Vinh	69,33	38	100	100	99,25	81,32
7	UBND phường Mỹ Bình	48	43,55	100	98,36	98,3	77,64
8	UBND phường Kinh Dinh	100	47,86	100	99,68	98,1	89,13
9	UBND phường Bảo An	77,44	33,32	100	99,73	96,05	81,31
10	UBND xã Thành Hải	82,06	52,09	100	98,86	96,1	85,82
11	UBND phường Mỹ Hải	71,44	57,45	100	98,68	98,35	85,18
12	UBND phường Phước Mỹ	68,33	45,09	100	99,18	96,5	81,82
13	UBND phường Đạo Long	70,83	38,32	100	97,82	96,95	80,78
<b>II</b>	<b>UBND huyện Ninh Hải</b>	100	51,95	100	94,09	99,25	89,06
1	UBND xã Phương Hải	71,67	50,36	100	99	100	84,21
2	UBND thị trấn Khánh Hải	100	44,86	100	97,05	97,65	87,91
3	UBND xã Thanh Hải	100	50,45	100	97,41	98,45	89,26
4	UBND xã Nhơn Hải	100	42,82	100	98,41	100	88,25
5	UBND xã Xuân Hải	100	47,55	100	98	100	89,11
6	UBND xã Hộ Hải	100	32,68	100	97,95	100	86,13
7	UBND xã Tân Hải	100	33	100	96,36	100	85,87
8	UBND xã Tri Hải	100	35,59	100	99,77	100	87,07
9	UBND xã Vĩnh Hải	100	38,23	100	99,09	100	87,46
<b>III</b>	<b>UBND huyện Thuận Bắc</b>	39,39	41,45	66,67	93	96,45	67,39
1	UBND xã Công Hải	78,22	66,77	100	98,18	98,65	88,36
2	UBND xã Lợi Hải	27,94	26	100	96,91	100	70,17
3	UBND xã Bắc Sơn	12,17	11,05	100	95	100	63,64
4	UBND xã Bắc Phong	63,89	43,45	100	99,41	100	81,35
5	UBND xã Phước Chiến	4,17	42,36	100	90,91	100	67,49
6	UBND xã Phước Kháng	23,83	17,05	97,56	88,64	83,35	62,09
<b>IV</b>	<b>UBND huyện Thuận Nam</b>	90,72	40,09	66,67	95,05	97,7	78,05

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai minh bạch	Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tiến độ giải quyết	Tổng %
1	UBND xã Phước Nam	35,83	28,55	100	93,91	97,85	71,23
2	UBND xã Phước Diêm	67,72	32,32	100	97,41	98,45	79,18
3	UBND xã Phước Ninh	31,06	25,23	100	98,5	100	70,96
4	UBND xã Cà Ná	11,22	10,55	94,44	89,36	75	56,11
5	UBND xã Phước Minh	100	48,45	100	96,91	100	89,07
6	UBND xã Nhị Hà	41,67	26,82	100	97,27	97,3	72,61
7	UBND xã Phước Dinh	100	32	100	89,32	95,85	83,43
8	UBND xã Phước Hà	100	31,32	100	99,64	100	86,19
<b>V</b>	<b>UBND huyện Bác Ái</b>	100	36,18	99,28	92,45	88	83,18
1	UBND xã Phước Trung	90	32,32	85,17	95,64	50	70,63
2	UBND xã Phước Chính	6,89	43,86	100	90,91	100	68,33
3	UBND xã Phước Tiến	60	31,68	100	90,91	100	76,52
4	UBND xã Phước Đại	100	33	100	96,59	94,75	84,87
5	UBND xã Phước Thành	66,67	32,32	96,28	94,45	80	73,94
6	UBND xã Phước Thắng	100	31,32	100	95,64	100	85,39
7	UBND xã Phước Hòa	59,11	35,59	100	99,18	100	78,78
8	UBND xã Phước Tân	87,5	31,68	92,61	97,41	70	75,84
9	UBND xã Phước Bình	100	32	100	94,09	100	85,22
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Ninh Sơn</b>	33,56	42,36	100	96,23	92,7	72,97
1	UBND xã Quảng Sơn	31,72	41,95	100	99,73	98,9	74,46
2	UBND xã Lương Sơn	51,22	36,27	100	99	98,4	76,98
3	UBND xã Nhơn Sơn	14,44	50,64	100	100	100	73,02
4	UBND thị trấn Tân Sơn	24,11	31,55	100	98,86	100	70,90
5	UBND xã Mỹ Sơn	29,06	38,86	100	99,27	98,55	73,15
6	UBND xã Lâm Sơn	32,39	25,95	100	97,68	95,75	70,35
7	UBND xã Ma Nởi	18,67	30,05	100	100	100	69,74
8	UBND xã Hòa Sơn	27,56	34,18	100	98,68	100	72,08
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Ninh Phước</b>	100	43,27	66,67	96,36	97,45	80,75
1	UBND thị trấn Phước Dân	100	15,45	100	98,45	97,65	82,31
2	UBND xã Phước Thuận	70,89	44,18	100	99,09	100	82,83
3	UBND xã Phước Thái	100	35,59	100	98,68	94,55	85,76
4	UBND xã Phước Hữu	100	10,95	100	100	98,6	81,91
5	UBND xã Phước Hậu	37,22	25,05	100	99,73	100	72,40
6	UBND xã Phước Hải	100	44,32	100	99,09	100	88,68
7	UBND xã An Hải	23,83	21,68	100	97	100	68,50

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai minh bạch	Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tiến độ giải quyết	Tổng %
8	UBND xã Phước Sơn	100	49,45	100	98,95	99,35	89,55
9	UBND xã Phước Vinh	81,06	38,64	100	99,41	100	83,82

## Ghi chú:

	Đạt loại Xuất sắc từ 90% trở lên.
	Đạt loại Tốt từ 80-90%,
	Đạt loại Khá từ 70-80%
	Đạt loại Trung bình từ 50-70%
	Đạt loại Yếu dưới 50%